

Số: 5382/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 29 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 361 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2459/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Lê Thanh T, sinh năm: 1983.

Thường trú: Tổ 13, ấp 5, xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở: 194/27 Nguyễn Văn Tăng, khu phố 16, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Đức M, sinh năm: 1986.

Thường trú: Tổ 13, ấp 5, xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở: 28/13 khu phố Tân Phú 1, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 692 ngày 28/11/2011 tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thanh T và ông Nguyễn Đức M được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

- Hôn nhân giữa bà Lê Thanh T và ông Nguyễn Đức M là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Nay, bà T và ông M xác định không còn tình cảm với nhau, yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà T và ông M có 01 con chung tên Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày: 29/9/2012. Bà T và ông M thống nhất bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông M không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà T và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T và ông M khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thanh T và ông Nguyễn Đức M thuận tình ly hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 692 ngày 28/11/2011 tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày: 29/9/2012 cho bà Lê Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Nguyễn Đức M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: Bà T và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T và ông M khai không có.

2. Về lệ phí:

Lệ phí việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Lê Thanh T và ông Nguyễn Đức M phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044709 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà T và ông M đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Đức;
- THA DS TP. Thủ Đức;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Nhị Bình,
huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Nga